

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH KHOA

NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH
TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 931 02 04

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS, TS. Trần Minh Trường**



2. TS. Nguyễn Thị Hoài Phương

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 202

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bất kỳ một quốc gia, dân tộc nào trong quá trình hình thành và phát triển đều phải xử lý hai vấn đề cơ bản: đối nội và đối ngoại. Hai vấn đề này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau, tạo thế và lực cho nhau. Mặc dù chính sách đối ngoại có tính độc lập nhất định, song như V.I.Lênin đã khái quát, chính sách đối ngoại là sự tiếp nối của chính sách đối nội, phục vụ cho chính sách đối nội. Ngoại giao vừa là công cụ, vừa là phương tiện quan trọng nhất để thực hiện chính sách đối ngoại của một quốc gia. Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, ngoại giao là công cụ mà các nhà nước phong kiến đã sử dụng có hiệu quả để tạo dựng mối quan hệ hữu nghị, chung sống hòa bình với các nước láng giềng. Các triều đại phong kiến Việt Nam thường thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo, linh hoạt, phù hợp: kiên trì chủ trương, đường lối ngoại giao mềm dẻo, khoan hòa, nhân nhượng có nguyên tắc để đạt được mục tiêu chiến lược. Tất cả đã tạo dựng nên nghệ thuật ngoại giao mang bản sắc độc đáo của Việt Nam đầy hào khí, giàu tính nhân văn, hòa bình và hữu nghị. "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; Lấy chí nhân mà thay cường bạo"; "Dập tắt muôn đời chiến tranh; mở nền muôn thuở thái bình" là những tư tưởng, triết lý mang giá trị phổ quát, được cha ông gây dựng, hun đúc và truyền lại cho đời sau, đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Truyền thống và giá trị tốt đẹp ấy càng được bồi đắp, phát huy, tỏa sáng trong thời đại Hồ Chí Minh, để hình thành nên nền ngoại giao Việt Nam gắn với tư tưởng, phong cách và nghệ thuật ngoại giao của Người. Đó là nghệ thuật ứng xử với các nước láng giềng, nghệ thuật ngoại giao cân bằng quan hệ với các cường quốc, nghệ thuật ngoại giao tâm công, "dĩ bất biến ứng vạn biến", "thêm bạn bớt thù", lợi dụng mâu thuẫn phân hóa kẻ thù, nghệ thuật vận động quốc tế, giương cao ngọn cờ hòa bình và chính nghĩa, nghệ thuật biết thắng từng bước, vừa đánh, vừa đàm... Tất cả đã trở thành những bài học kinh điển trong việc tập hợp lực lượng, cô lập, và làm suy yếu, phân hóa kẻ thù, tạo dựng đồng minh, tranh thủ dư luận quốc tế, có được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi ở trong nước cũng như trên thế giới vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Quán triệt chủ trương "kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia-dân tộc trên biển, trên không và trên bộ", ngoại giao

Việt Nam đã vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh: biết nắm bắt, tranh thủ và tạo dựng thời cơ, “biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng và biết biến”, biết tranh thủ đối tác, thu phục đối phương, “thêm bạn bớt thù”, “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai” vì hòa bình, hợp tác và phát triển, nắm vững sự vận động của các mối tương quan giữa thế và lực đất nước với cục diện quốc tế là một trong những nhân tố góp phần vào thành công của sự nghiệp đổi mới. Mặc dù vậy, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng ta cũng thẳng thắn thừa nhận rằng: “Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa chủ động và hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để hạn chế các tác động tiêu cực trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn có lúc chưa theo kịp những chuyển biến mau lẹ, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực” [65, tr.152]. Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra những hạn chế lớn mà ngoại giao Việt Nam cần phải vượt qua: “Hội nhập quốc tế chưa được triển khai đồng đều, hiệu quả tổng hợp chưa cao. Năng lực hội nhập quốc tế chậm cải thiện. Chưa khai thác hết và phát huy hiệu quả các quan hệ lợi ích đan xen, ổn định với các đối tác quan trọng” [66, tr.77]. Ngoài ra, trong quan hệ với một số đối tác, kể cả đối tác chiến lược, toàn diện chưa thật sự sâu sắc, xứng tầm. Việc xử lý các mối quan hệ song phương và đa phương “chưa phát huy đầy đủ tinh thần quyết liệt chủ động tiến công trong những vấn đề có liên quan đến lợi ích chiến lược” [197, tr.38].

Ngày nay, cục diện thế giới và khu vực đang không ngừng biến động. Thế giới đang có hòa bình, nhưng không yên bình, có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc và tôn giáo, can thiệp lật đổ, chiến tranh... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực. Châu Á-Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động nhất và có triển vọng trở thành trung tâm quyền lực mới của thế giới trong thế kỷ XXI. Với “chính sách xoay trục” của Mỹ, “chính sách hướng Đông” của Nga, “Hành động phía Đông” của Ấn Độ, chính sách “lợi ích dân tộc cốt lõi” của Trung Quốc cùng chính sách hướng về châu Á của Nhật Bản, Ấn Độ, Ôxtorâyliya đã và đang làm cho khu vực Ấn Độ dương-Thái Bình dương trở thành địa bàn cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tình hình khu vực càng trở nên sôi động. Hòa bình và hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng các nhân tố bất ổn, thậm chí nguy cơ xung đột cục bộ ở khu vực

ngày càng cao. Đặc biệt, tình hình Biển Đông diễn biến rất phức tạp, nguy cơ mất an ninh, chủ quyền biển đảo của đất nước nổi lên ngày càng gay gắt. Sự thay đổi đột ngột chính sách đối ngoại của các nước lớn, cuộc xung đột ở Ucraina, ở Trung Đông, xung đột giữa Azerbaijan và Armenia... đã chứng tỏ “tình hình thế giới cũng diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, thách thức nhiều hơn so với dự báo, với những thách thức mới, chưa từng có tiền lệ đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc” [197, tr.9]. Thách thức và cơ hội luôn đan xen, và có tính chuyển hóa lẫn nhau. Làm sao để “biến nguy thành an”, định vị đất nước như thế nào cho có lợi nhất trong bàn cờ chiến lược ở khu vực và trên thế giới? Trong điều kiện đó: “Ngoại giao phải đi đầu trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ Tổ quốc và thu hút nguồn lực cho phát triển đất nước. Chúng ta phải nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn bài học của ông cha ta là: "Dụng nước đi đôi với giữ nước", "giữ nước từ khi nước chưa nguy", có kế sách ngăn ngừa, loại bỏ các nguy cơ chiến tranh từ sớm, từ xa” [198, tr.12]. Việt Nam phải tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh: giữ vững cái “bất biến” là lợi ích quốc gia, dân tộc để có nghệ thuật ứng xử “vạn biến” linh hoạt, thích ứng với một thế giới đang không ngừng thay đổi là yêu cầu cấp thiết trong thời kỳ mới. Trong chặng đường tiếp theo, ngoại giao nhất thiết phải làm tốt công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược để phát hiện ra các xu thế mới, thời cơ mới, đặt Việt Nam vào đúng xu hướng phát triển của thời đại; tiếp tục “thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới” [65, tr.79].

Với giá trị bền vững, tính thời sự và sự vận dụng trong bối cảnh mới, tôi quyết định chọn đề tài: ***“Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu và làm rõ nội dung nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó đề xuất định hướng tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án phải tập trung thực hiện nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án và những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu.
- Xây dựng hệ thống khái niệm có liên quan.
- Phân tích, luận giải về nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.
- Đánh giá thực trạng việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh tập trung nghiên cứu trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Từ đó xác định những vấn đề đặt ra để tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.
- Định hướng vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh từ 1945 đến 1969.
- Về nội dung: nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, phân tích luận giải thực trạng việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh từ tư tưởng đến hoạt động ngoại giao trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đường lối, quan điểm đối ngoại của Đảng cộng sản Việt Nam và chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp lịch sử và logic.; Phương pháp so sánh, đối chứng.

Trên cơ sở những phương pháp đó, tác giả luận án phải sử dụng nhiều kỹ thuật để xử lý, so sánh và sàng lọc nguồn tài liệu phong phú đã thu thập được, đảm bảo tính khoa học và chính thống.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Làm sáng tỏ một số khái niệm, nội dung cơ bản của nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh; một số nội dung chủ yếu vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh mới.

Sau khi hoàn thành, luận án góp nguồn tư liệu cho ngành Hồ Chí Minh học, khoa học ngoại giao và các khoa học liên quan.

6. Ý nghĩa của luận án

Về lý luận: khẳng định giá trị, ý nghĩa của nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh đối với việc hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước. Cung cấp những luận cứ khoa học về nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh cho các cấp ủy Đảng, lãnh đạo, cán bộ ngoại giao tham khảo xây dựng chiến lược, sách lược ngoại giao và tổ chức thực hiện một cách sáng tạo, đạt kết quả cao.

Về thực tiễn: Làm rõ giá trị thực tiễn của nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam, thực trạng vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới. Luận án góp thêm nguồn tài liệu cho việc nghiên cứu, học tập và vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

Đến nay, đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Tiêu biểu là các tác giả: Võ Nguyên Giáp, Phạm Hồng Chương, Trần Minh Trưởng, Vũ Dương Huân, Đặng Công Thành, Đỗ Thị Thảo, Trịnh Xuân Thắng, Phan Ngọc Liên, Đặng Văn Thái, Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Kim Hải, Đinh Xuân Lý, Song Thành, Vũ Đức Hình, Ban nghiên cứu lịch sử ngoại giao Bộ Ngoại giao, Hoàng Điệp, Vũ Khoan, Võ Văn Sung, Lê Văn Yên... Các nhà nghiên cứu làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí

Minh về thế giới quan và đường lối đối ngoại vì hòa bình hợp tác và phát triển, vì sự tiến bộ của Việt Nam và thế giới, về vai trò của Hồ Chí Minh trong việc xác lập các mối quan hệ hữu nghị, bình đẳng giữa Việt Nam với các nước trên thế giới.

1.2. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

Một số tác giả bước đầu đề cập đến nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh dưới những góc độ khác nhau như: Nguyễn phúc Luân, Trần Đương, Nguyễn Dy Niên, Mai Văn Bộ, Song Thành, Nguyễn Khắc Huỳnh, Võ Nguyên Giáp, Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ... Ngoài ra, các công trình nghiên cứu của một số học giả nước ngoài đã cung cấp nguồn tư liệu quý về sự thành công của nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, các nguồn tài liệu của Lầu năm góc, của Ủy ban đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ... giúp tác giả tham khảo, so sánh, chọn lọc, bổ sung nguồn cứ liệu mới về nghệ thuật ngoại giao xử lý tình huống, lợi dụng mâu thuẫn phân hóa đối phương và cân bằng trong quan hệ với các cường quốc của Hồ Chí Minh.

1.3. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ SỰ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG, PHONG CÁCH, NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

Các tác giả Nguyễn Phú Trọng, Mai Văn Bộ, Trần Nhâm, Bùi Đình Phong, Vũ Dương Ninh, Trần Minh Trường, Nguyễn Thị Bình, Vũ Dương Huân... làm sáng tỏ việc Đảng cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, thời kỳ phá thế bao vây cấm vận và trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Với khả năng và điều kiện hiện tại, tác giả luận án thật khó có thể nắm bắt đầy đủ các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án.

1.4. NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC NGHIÊN CỨU

Các công trình nghiên cứu về tư tưởng, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ các vấn đề: cơ sở hình thành, nội dung cơ bản của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, bước đầu đề cập đến phong cách, trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh; phân tích quan điểm, nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh, “vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh”.

Một số công trình bước đầu đề cập đến nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh dưới những góc độ khác nhau, thường gắn nghiên cứu tư tưởng với nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, hoặc gắn phương pháp, phong cách với nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, hoặc trong quá trình nghiên cứu hoạt động đối ngoại cụ thể, chỉ ra một số khía cạnh dưới góc độ nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh khi xử lý các tình huống ngoại giao phức tạp, khó khăn. Một số công trình đã kết hợp nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

Đến nay, chưa có công trình nghiên cứu chuyên luận về nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh từ thuật ngữ, nội dung cơ bản, giá trị và thực tiễn vận dụng ở Việt Nam. Mặc dù vậy, các công trình đã công bố là nguồn tài liệu khoa học phong phú, quý giá đã gợi mở, định hướng để tác giả xác định những nội dung mà luận án cần tập trung nghiên cứu.

1.5. NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, phân tích và luận giải nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh: khái niệm và nội dung chủ yếu; *Thứ hai*, phân tích những nhân tố tác động, thực trạng việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và những vấn đề đặt ra; *Thứ ba*, tác giả mạnh dạn nêu và phân tích một số định hướng trong việc vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh hiện nay nhằm tạo dựng môi trường thuận lợi để nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện để phát triển đất nước.

Chương 2

NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

2.1.1. Ngoại giao, đối ngoại

Ngoại giao là hoạt động của một nước về mặt quan hệ quốc tế hay là sự giao thiệp của một nước với bên ngoài để bảo vệ quyền lợi quốc gia và giải quyết những vấn đề quốc tế có liên quan. *Đối ngoại* là đối với nước ngoài, bên ngoài, nói về đường lối chính sách, sự giao thiệp của một Nhà nước, của một tổ chức để phân biệt với đối nội.

2.1.2. Khái niệm tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là hệ thống những luận điểm về đường lối chiến lược và sách lược trong quan hệ giữa Việt Nam với các

nước nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc và giải quyết các vấn đề quốc tế thông qua đàm phán hòa bình.

2.1.3. Nghệ thuật ngoại giao và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh

Khái niệm Nghệ thuật ngoại giao: Nghệ thuật ngoại giao là những phương pháp, phương thức ngoại giao giàu tính sáng tạo, được sử dụng uyển chuyển, khéo léo, tài tình đem lại hiệu quả cao nhất trong việc xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Khái niệm nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh: nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh là nghệ thuật tạo ra và sử dụng một cách khéo léo, nhuần nhuyễn thế và lực trong hoạt động ngoại giao nhằm bảo vệ vững chắc lợi ích, chủ quyền quốc gia và giải quyết thỏa đáng các vấn đề quốc tế

2.2. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Nghệ thuật “xử lý tình huống”, tận dụng thời cơ trong quan hệ quốc tế

Thứ nhất, nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, có thể thấy nghệ thuật “xử lý tình huống”, tận dụng thời cơ được Người sử dụng nhiều trong hoạt động ngoại giao để thiết lập chủ thể ngoại giao mới là Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH). *Thứ hai*, Hồ Chí Minh xác định thời cơ chín muồi để tuyên bố sự ra đời của nước VNDCCH là ngay khi Nhật đầu hàng và phải trước khi quân đồng minh kéo vào: Dù quân đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và giành thắng lợi [75, tr.65].

Tuy nhiên, nước VNDCCH, một chủ thể ngoại giao non trẻ rơi vào tình huống hiểm nguy với những quan hệ quốc tế đầy mâu thuẫn chằng chéo, phức tạp. Những mâu thuẫn đó tiếp tục được Hồ Chí Minh hóa giải bởi nghệ thuật “dĩ bất biến ứng vạn biến”, vận dụng nhuần nhuyễn “ngũ tri”.

2.2.2. Nghệ thuật ngoại giao “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, vận dụng nhuần nhuyễn “ngũ tri”

Thứ nhất, “Dĩ bất biến ứng vạn biến” kiên quyết giữ vững nền độc lập, tự chủ để xây dựng Nhà nước VNDCCH, chủ thể ngoại giao mới trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, “Dĩ bất biến ứng vạn biến” với lực lượng bù nhìn của Tưởng Giới Thạch để bảo vệ chính quyền cách mạng, kìm chân quân Pháp

vào Hà Nội. *Thứ ba*, với Pháp-Tướng, qua báo Le Monde, Hồ Chí Minh gửi thông điệp sẵn sàng và có nhiều điều nhân nhượng để tránh một cuộc chiến tranh có thể nổ ra. *Thứ tư*, để có thể vận biến mà vẫn giữ được nguyên tắc trong ngoại giao, Hồ Chí Minh vận dụng nhuần nhuyễn “ngũ tri”: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng và biết biến.

2.2.3. Nghệ thuật ngoại giao thêm bạn bớt thù, lợi dụng mâu thuẫn đối phương

Thứ nhất, khéo léo thiết lập nhiều tuyến ngoại giao khác nhau từng bước phá vỡ tình thế “chiến đấu trong vòng vây” của cách mạng, “làm sao cho các nước công nhận nền độc lập của nước Việt Nam” [141, tr.174].

Thứ hai, Nghệ thuật ngoại giao “hòa để tiến” với quân Tưởng và tay sai theo phương châm “biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự” tập trung khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ đối phương. *Một*, để bảo vệ chính quyền non trẻ mới thành lập, đưa cách mạng từ thế yếu lên thế hòa, trước hết Ngoại giao Hồ Chí Minh tạo thế hỏa hoãn, thân thiện với các tướng lĩnh quân đội Tưởng. *Hai*, vận dụng binh pháp Tôn Tử để ứng phó với quân Tưởng, Hồ Chí Minh bí mật, khéo léo “làm cho quân địch nghi kỵ nhau, trên không chỉ huy được dưới, dưới không chịu nghe lệnh trên”.

Thứ ba, vừa hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng, vừa khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ quân Pháp để làm suy yếu chúng.

Thứ tư, nghệ thuật ngoại giao phân hóa Pháp-Mỹ và tay sai của chúng.

2.2.4. Nghệ thuật ngoại giao cân bằng quan hệ với các cường quốc

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn về vai trò chi phối của nước lớn trong quan hệ quốc tế. *Thứ hai*, vượt qua khác biệt về ý thức hệ, tìm điểm tương đồng về lợi ích từng bước xây dựng mối quan hệ cân bằng với các nước lớn. *Thứ ba*, tôn trọng và giữ thể diện cho nước lớn song song với bảo vệ danh dự cho dân tộc Việt Nam. *Thứ tư*, nghệ thuật ngoại giao cân bằng mối quan hệ với hai cường quốc Liên Xô và Trung Quốc.

2.2.5. Nghệ thuật ngoại giao với các nước láng giềng và khu vực

Thứ nhất, xây dựng mối quan hệ “vừa là đồng chí vừa là anh em” với Trung Quốc. *Thứ hai*, tạo dựng mối quan hệ đặc biệt và xây dựng “liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương”. *Thứ ba*, xây dựng quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.

2.2.6. Nghệ thuật “vừa đánh, vừa đàm”, biết thắng từng bước

Thứ nhất, trong kháng chiến chống Pháp: Đàm phán ký Hiệp định sơ bộ 6.3 và Tạm ước 14.9.1946; Quyết định phát động toàn quốc kháng chiến: “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Đến giữa năm 1953, tình hình quốc tế có những chuyển biến có tác động đến chiều hướng phát triển của vấn đề Đông Dương. Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam sẵn sàng giải quyết vấn đề theo lối hòa bình thông qua cuộc thương lượng trực tiếp giữa Chính phủ VNDCCH với Chính phủ Pháp, trên cơ sở Pháp tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt Nam;

Chiến thắng Điện Biên phủ và hội nghị Giơnevơ là dẫn chứng sinh động về nghệ thuật “vừa đánh, vừa đàm”, biết thắng từng bước.

Thứ hai, trong kháng chiến chống Mỹ.

Hồ Chí Minh chỉ đạo cần tích cực chủ động, tạo điều kiện vận dụng sách lược vừa đánh vừa đàm, coi trọng mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao: “Chúng ta chỉ giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường”.

Về phương châm kết hợp giữa đánh và đàm, Hồ Chí Minh cho rằng đánh là chính. Vừa đánh vừa đàm là để chia rẽ địch. Đàm là để phục vụ cho đánh: “Nghệ thuật kết hợp giữa tiến công và đàm phán với địch phải hết sức uyển chuyển, không sa đà, không mơ hồ vào việc giải quyết tình hình thông qua đàm phán, trước hết ta phải giải quyết tình hình thông qua đàm phán, trước hết ta phải giành thế mạnh thì mới có điều kiện để đàm phán được”.

2.2.7. Nghệ thuật ngoại giao tâm công nâng cao chính nghĩa, hòa bình trong vận động quốc tế

Thứ nhất, kiên trì thuyết phục cộng đồng quốc tế công nhận “lẽ phải không ai chối cãi được” đối với nền độc lập của Việt Nam. *Thứ hai*, khéo léo thuyết phục đối phương bằng lẽ phải, công lý và đạo lý để vấn hòa bình. *Thứ ba*, nghệ thuật ngoại giao vận động nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới ủng hộ Việt Nam.

Trong kháng chiến chống Pháp Hồ Chí Minh kêu gọi: “Vì nhân đạo, chính nghĩa, vì hòa bình chung và lợi ích chung, nhân dân Việt Nam mong các vị giúp đỡ mọi phương diện”

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh mang lại kết quả to lớn cho cách mạng Việt Nam: “Khấp thế giới tạo nên một làn sóng sôi sục phản đối Mỹ và ủng hộ ta”.

Nghệ thuật vận động quốc tế của Hồ Chí Minh nhận được sự tình cảm sâu sắc của lãnh đạo các nước.

Chương 3

VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 1975-1985

3.1.1. Bối cảnh quốc tế thời kỳ 1975-1985

Sau năm 1975, thế giới có những biến động lớn trên tất cả mọi mặt chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế. Các nước lớn điều chỉnh chính sách đối ngoại theo một cục diện mới hết sức phức tạp, báo hiệu những chuyển dịch lớn trong quan hệ quốc tế, tác động mạnh mẽ đến việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.

3.1.2. Vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh 1975-1985

3.1.2.1. Ưu tiên hợp tác với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

Vận dụng và phát triển nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định sẵn sàng hợp tác với các nước không phân biệt chế độ chính trị, không gây thù oán với ai. Tuy nhiên những biến đổi mau lẹ trong tam giác Xô-Trung-Mỹ khiến ngoại giao Việt Nam rơi vào thế bị bao vây nghiêm trọng, dần ngã về phía Liên Xô.

3.1.2.2. Kiên trì giải quyết mối quan hệ theo truyền thống hòa bình, hữu nghị với Trung Quốc và Campuchia

Với Trung Quốc: Vừa tôn trọng danh dự của lược lớn vừa phải bảo vệ danh dự của dân tộc Việt Nam, cũng phải vừa biết ơn sự giúp đỡ của nước bạn, xây dựng mối quan hệ “vừa là đồng chí vừa là anh em”, Việt Nam kiên trì và chủ động đề xuất các cuộc đàm phán giải quyết vấn đề tranh chấp một cách hòa bình. Việt Nam kiên trì gửi 17 công hàm đề nghị phía Trung Quốc nói lại đàm phán hòa bình. Việt Nam nhất quán khẳng định tiếp tục kiên trì khôi phục mối quan hệ hữu nghị và láng giềng thân

thiện lâu đời với nhân dân Trung Quốc. Việt Nam luôn “sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc ở bất cứ cấp nào, bất cứ ở đâu, vào bất cứ lúc nào và không có điều kiện tiên quyết”

Với Campuchia: Sau khi thành lập, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Việt Nam. Hai bên tiến hành trao đổi đại sứ, ký kết Hiệp ước Hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Kể từ đó, Việt Nam khôi phục và phát triển quan hệ hữu nghị, láng giềng thân thiện và hợp tác toàn diện với Campuchia.

3.1.2.3. Thiết lập, tăng cường và mở rộng hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế để tái thiết đất nước sau chiến tranh

Chiến thắng mùa Xuân năm 1975 nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên thế giới. Vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao tâm công, nâng cao chính nghĩa, hòa bình trong vận động quốc tế, Việt Nam lần lượt trở thành thành viên chính thức của các tổ chức tài chính quốc tế lớn như: IMF, WB, ADB (1976), trở thành thành viên 149 của UN (9.1977). Quan hệ giữa Việt Nam với UN được duy trì và phát triển trên một số lĩnh vực.

3.1.2.4. Đấu tranh chống chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ

Vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh vượt qua khác biệt về ý thức hệ, tìm nét tương đồng về lợi ích, Việt Nam luôn đấu tranh và giải thích với Mỹ rằng bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ là vấn đề chính trị ngoại giao, có lợi cho hai nước, cho hòa bình, ổn định của khu vực và thế giới. Xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa, đạo lý dân tộc, Việt Nam đã, đang và sẽ hợp tác với Mỹ trên các vấn đề này dù có hay không có bình thường hóa

3.1.3. Một số kinh nghiệm của việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh thời kỳ 1975-1985

Một, nhận thức đầy đủ về thời đại và xu thế vận động, biến đổi trong quan hệ quốc tế cơ bản để hoạch định đường lối chiến lược, sách lược ngoại giao đúng đắn. *Hai*, trong điều kiện quan hệ quốc tế của các cường quốc có những bước dịch chuyển mau lẹ cần bình tĩnh xử lý tình huống ngoại giao, giữ thế diện cho nước lớn nhằm “thêm bạn, bớt thù” tranh thủ mọi điều kiện quốc tế để tái thiết và dựng xây đất nước. *Ba*, không thiên vị, không nhất biên đảo trong quan hệ quốc tế. *Bốn*, ưu tiên giải quyết mọi tranh chấp với các nước láng giềng thông qua đàm phán, tránh phải đối đầu, dựa trên những nguyên tắc cùng chung sống hòa bình.

Năm, kiên trì thực hiện hòa giải dân tộc, vận động, tuyên truyền, thuyết phục nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kết nối với cộng đồng kiều bào ủng hộ Việt Nam tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

3.2. VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.2.1. Bối cảnh quốc tế tác động đến việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

3.2.1.1. Sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học-công nghệ

Thành tựu của khoa học và công nghệ tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu, làm biến đổi bộ mặt từng quốc gia và tác động sâu sắc đến đường lối đối ngoại của Việt Nam, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh mở cánh cửa bước vào thế giới.

3.2.1.2. Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô làm thay đổi trật tự thế giới

Khôl Vácsava bị giải thể. Chiến tranh lạnh của trật tự thế giới hai cực chấm dứt dẫn đến những thay đổi cơ bản trong tương quan trật tự thế giới. Các nước lớn chuyển hướng hoặc điều chỉnh chiến lược đối ngoại. Xu hướng mở cửa, hòa hoãn, cải thiện mối quan hệ vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau ngày càng rõ nét. Điều đó làm cho quan hệ quốc tế ngày càng đa dạng hóa, đa phương hóa.

Thế giới ở trong tình trạng “một siêu cường, đa cường quốc”. Đó là các nước Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc. Quan hệ quốc tế tiếp tục chịu sự chi phối của các nước lớn. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi Việt Nam vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để từng bước nâng cao vị thế của mình trên bàn cờ chính trị quốc tế.

3.2.1.3. Tác động của toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa là quá trình phổ biến giá trị chung trên quy mô toàn cầu. Sự tác động của khoa học công nghệ và mạng viễn thông, của các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức khu vực và quốc tế... đã làm toàn cầu hóa trở thành một xu thế tất yếu, khách quan tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

3.2.1.4. Khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế khu vực, thế giới và đại dịch Covid-19

Từ tác động của những cuộc khủng hoảng này, mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa nội lực và ngoại lực cần được nhận thức đầy đủ và rõ ràng hơn. Tất cả những điều nói trên đặt ra yêu cầu đối với ngoại giao là phải nắm chắc xu thế vận động của thế giới, dự báo được tình hình và nâng cao năng lực xử lý để đưa đất nước tiếp tục hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và tiếp tục phát triển bền vững theo hướng độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3.2.1.5. Thế giới hòa bình nhưng không yên ổn

Vấn đề dân tộc và tôn giáo thường gắn với xu hướng ly khai, đe dọa chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia dân tộc. Sự thay đổi đột ngột chính sách đối ngoại của các nước lớn, cuộc xung đột ở Ucraina, ở Trung Đông, xung đột giữa Azerbaijan và Armenia... có tác động mạnh mẽ đến ngoại giao của Việt Nam. Bối cảnh đó đòi hỏi ngoại giao Việt Nam cần vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để góp phần xây dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, các tôn giáo, ngăn chặn, đẩy lùi những hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để can thiệp chủ quyền của đất nước.

3.2.2. Thành tựu của việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh thời kỳ đổi mới

3.2.2.1. Đàm phán giải quyết vấn đề Campuchia, tháo gỡ nút thắt trong quan hệ quốc tế của Việt Nam

Vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, Việt Nam tạo dựng được một vòng liên kết thân thiện và tình cảm của dư luận quốc tế trong việc hóa giải vấn đề Campuchia một cách mềm dẻo và khôn khéo. Nút thắt lớn nhất trong quan hệ quốc tế của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới được tháo gỡ, mở ra cơ hội thuận lợi cho tiến trình bình thường hóa quan hệ các nước trong khu vực và thế giới.

3.2.2.2. Bình thường hóa và phát triển quan hệ với Trung Quốc, Hoa kỳ

Đàm phán bình thường hóa quan hệ Với Trung Quốc

Chủ trương sẵn sàng đàm phán để giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc, bình thường hoá quan hệ và khôi phục tình hữu nghị giữa hai nước trên tinh thần bình đẳng, đảm bảo độc

lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vì lợi ích của nhân dân hai nước, Việt Nam chủ động công khai tuyên bố sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ cấp nào, bất cứ khi nào, bất cứ ở đâu để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Bình thường hóa quan hệ (3.1991).

Đối tác chiến lược toàn diện (2008).

Hai nước đã nâng cấp quan hệ lên “Cộng đồng chia sẻ tương lai” 2023. Tuy nhiên, bình thường hóa quan hệ là một quá trình lâu dài, còn nhiều vấn đề phức tạp phải giải quyết, nhất là vấn đề chủ quyền biển đảo. Việt Nam tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh xử lý mối quan hệ với Trung Quốc một cách khéo léo, linh hoạt trong từng vấn đề cụ thể.

Đàm phán bình thường hóa và phát triển quan hệ với Hoa Kỳ

Vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, Việt Nam chủ động chuyển từ cuộc đấu tranh đối đầu sang vừa hợp tác vừa đấu tranh, cùng tồn tại hòa bình, không coi nước nào là kẻ thù để từng bước bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Tổng thống G.H.Bush gửi đến Việt Nam bản Lộ trình (Road Map) chi tiết các giai đoạn bình thường hóa quan hệ (4.1991).

Trong quá trình đàm phán, Việt Nam tạo mọi điều kiện thuận lợi để Mỹ làm rõ mọi nguồn tin có liên quan đến vấn đề POW/MIA.

Vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, Việt Nam chọn lĩnh vực kinh tế, khoa học và giáo dục làm bước đột phá trong xây dựng quan hệ với Mỹ.

3.2.2.3. Xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ với các nước láng giềng

Phát triển mối quan hệ đặc biệt với Lào.

Xây dựng mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài với Campuchia.

Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á

3.2.2.4. Giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền và bảo vệ chủ quyền biển đảo thông qua đàm phán hòa bình

Đàm phán xây dựng đường biên giới hòa bình trên đất liền

Với *Trung Quốc*, đây là kết quả công bằng để hai nước ký kết Hiệp định về biên giới trên đất liền (1999), tạo cơ sở pháp lý vững chắc, ổn định lâu dài cho việc phân định, cắm mốc trên thực địa.

Với *Lào*, đường biên giới dài 2337km, được hoàn thành phân định và cắm mốc năm 1987. Với *Campuchia*, hai nước đã cắm mốc phân định được 84% đường biên giới (1045km) với 2047 cột mốc.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo

Việt Nam đã ký: Hiệp định về vùng nước lịch sử với Campuchia (1982) Hiệp định phân định ranh giới biển với Thái Lan (1987); Thỏa thuận hợp tác khai thác chung thềm lục địa chồng lấn với Malaixia (1992); Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, Hiệp định hợp tác nghề cá với Trung quốc trong vịnh Bắc Bộ (2000) và Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa với Indônêxia (2003). Những hiệp định này đánh dấu sự thành công của ngoại giao Việt Nam trong việc vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề phức tạp liên quan đến chủ quyền quốc gia dân tộc.

3.2.2.5. Xây dựng, củng cố hợp tác với Liên bang Nga và các nước bạn bè truyền thống

Củng cố quan hệ với Liên bang Nga.

Việt Nam chủ động phục hồi và phát triển quan hệ với Liên bang Nga bằng việc gác lại sự khác biệt về thể chế chính trị, đổi mới quan hệ bằng cách đàm phán ký kết Hiệp định về quan hệ kinh tế-thương mại và Nghị định thư trao đổi hàng hóa

Hiện nay quan hệ Việt Nga được đảm bảo khung pháp lý gồm tám mươi văn kiện khác nhau.

Trong chuyến thăm đầu tiên tới Việt Nam của Tổng thống Putin (3.2001), hai nước nâng tầm quan hệ lên đối tác chiến lược.

Với các nước bạn bè truyền thống Đông Âu và Liên Xô cũ, sau khi các nước này chuyển sang chế độ TBCN, Việt Nam chủ động khôi phục lại quan hệ.

Với *Cuba*, sau khi Liên Xô sụp đổ, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với “mệnh lệnh của trái tim”, Việt Nam luôn ủng hộ Cuba, giúp bạn vượt qua khó khăn do lệnh cấm vận ngặt nghèo của Mỹ.

Với *Án độ*, từ năm 1991, Việt nam đã xác định chiến lược phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt

với ấn Độ. Năm 2020, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Ấn được định hướng bởi “Tầm nhìn chung vì Hòa bình, Thịnh vượng và Con người”.

3.2.2.6. Chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong ngoại giao đa phương

Với các tổ chức tài chính quốc tế, thông điệp đổi mới và mục tiêu phát triển của Việt Nam thu hút sự quan tâm, ủng hộ mạnh mẽ của các nhà tài trợ quốc tế.

Với Liên hợp quốc: Việt Nam coi quan hệ với tổ chức quốc tế lớn nhất toàn cầu này là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược ngoại giao đa phương.

Với EU: Trong khi quan hệ quốc tế bị thu hẹp do sự khủng hoảng trầm trọng của Đông Âu và Liên xô, Việt Nam nhanh chóng đàm phán và thiết lập quan hệ ngoại giao với EU (11.1990).

Với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Việt Nam tích cực xây dựng cơ chế hợp tác giữa các thành viên và với các đối tác của ASEAN nhằm xây dựng tổ chức này thành một tổ chức khu vực có uy tín cao trên thế giới.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN ĐẶT RA CHO NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRONG VIỆC TIẾP TỤC VẬN DỤNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế có nhiều diễn biến mới phức tạp, khó dự đoán, đặc biệt là vấn đề Biển Đông đang đặt ra một số vấn đề chủ yếu mà ngoại giao Việt Nam cần tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để giải quyết.

Một, trong quan hệ quốc tế, phải thường xuyên đổi mới tư duy, “nhìn cho rộng, suy cho kỹ” để đánh giá, dự báo tình hình thế giới, xu thế của thời đại chính xác. *Hai*, phát triển mối quan hệ sâu rộng, độc lập, tự chủ, cân bằng với các nước lớn. *Ba*, coi trọng việc đưa quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, tránh mọi nguy cơ đối đầu, xung đột. *Bốn*, phát huy thế và lực mới để nâng cao vị thế của Việt Nam ở các tổ chức đa phương, huy động tối đa nguồn ngoại lực để phát triển đất nước.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG TRONG VIỆC VẬN DỤNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

4.1. CÁC NHÂN TỐ QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ NGOẠI GIAO CỦA VIỆT NAM

4.1.1. Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa ngày càng phát triển càng sự tác động nhiều chiều đến quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Trong quá trình toàn cầu hóa, sức mạnh và sự chi phối kinh tế của các nước lớn giàu có được chuyển hóa thành sức mạnh và sự chi phối về chính trị. Những xung đột lợi ích về kinh tế, sự đụng độ các giá trị văn hóa thường dẫn đến mâu thuẫn về chính trị làm cho quan hệ giữa nước nhỏ và nước lớn các quốc gia trong quan hệ quốc tế ngày càng gia tăng.

4.1.2. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương sẽ tiếp tục là nơi hội tụ cạnh tranh các chính sách đối ngoại mới của các cường quốc, có tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế của Việt Nam.

4.1.2.1. Chiến lược xoay trục châu Á-Thái Bình Dương của Mỹ

Sự cọ sát giữa FOIP của Mỹ và BRI của Trung Quốc sẽ làm xuất hiện lực hút ngược chiều của Mỹ và Trung Quốc trong quá trình gia tăng sức ảnh hưởng và tập hợp lực lượng của họ trong khu vực. Do vậy, việc giữ được cân bằng ngoại giao với nước lớn là nhiệm vụ khó khăn của tất cả các quốc gia nhỏ, trong đó có Việt Nam.

4.1.2.2. Chiến lược lợi ích cốt lõi của Trung Quốc

Trong bối cảnh cuộc đối đầu ngày càng căng thẳng trong quan hệ Mỹ Trung, sự điều chỉnh chính sách về lợi ích cốt lõi của Trung Quốc đang đặt quan hệ quốc tế của các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam trước những thách thức mới trong việc giữ thế cân bằng với các nước lớn.

4.1.2.3. Chính sách “Hành động phía Đông” của Ấn Độ

Ấn Độ đã công khai tuyên bố rằng “Phạm vi lợi ích chiến lược của Ấn Độ bao gồm phía bắc Biển Ả Rập và phía nam Biển Đông” nhưng xác định các nước ASEAN là điểm khởi đầu và trụ cột chiến lược trong chính sách hành động phía Đông. Vấn đề an ninh, an toàn và tự do hàng

hải ở Biển Đông là một mắt xích quan trọng trong hành động phía Đông của Ấn Độ.

4.1.2.4. Chính sách hướng Đông của Liên bang Nga

Với Đông Bắc Á, Nga hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc “không có giới hạn” cả về nội dung, không gian lẫn thời gian, là “đối tác ưu tiên” mang tính chiến lược chứ không dựa trên “lợi ích nhất thời hay tính toán cơ hội”. Nga xây dựng liên minh chặt chẽ với Triều Tiên.

Với Trung Đông, Nga tự đặt mình vào vị trí trung gian đáng tin cậy nhất để từng bước hòa giải mối quan hệ rắc rối giữa các nước. Trung Đông là nơi mà Nga đã khôi phục lại và nâng cao uy tín, sức ảnh hưởng và vị thế quốc tế vốn mất đi khi chiến tranh lạnh kết thúc.

Ấn Độ là một trụ cột lớn ở Nam Á trong chính sách hướng Đông của Nga.

Vị trí quan trọng của ASEAN”, sự ủng hộ của Nga đối với việc tuân thủ đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông và nhanh chóng ký kết Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông là điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng”.

4.1.2.5. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản

Sự điều chỉnh chính sách ngoại giao mới của Nhật Bản có tác động mạnh đến quan hệ quốc tế ở khu vực ASEAN, với Việt Nam những tác động thuận chiều là chủ yếu.

Tuy nhiên Việt Nam cần vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh để vừa lợi dụng chính sách ngoại giao của Nhật Bản trong việc khẳng định vai trò, vị trí, chủ quyền quốc gia nhưng không làm ảnh hưởng đến mối quan hệ với Trung Quốc và Nga.

4.1.2.5. Sự điều chỉnh trong quan hệ quốc tế của Ótxtorâyli

Về vấn đề Biển Đông, Ótxtorâyli vẫn giữ vững lập trường trung lập, chủ trương không can dự vào các cuộc tranh chấp chủ quyền ở khu vực, mà chỉ quan tâm đến việc lưu thông của các tuyến vận tải quốc tế không bị cản trở.

Việt Nam “đặt vị trí của Ótxtorâyli trong thứ tự ưu tiên đối ngoại ngang bằng các nước chủ chốt ở châu Âu là Anh, Pháp, Đức và hai nước hàng đầu châu Á là Nhật Bản và Hàn Quốc”

4.1.2.7. Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của ASEAN

Trong bối cảnh các nước lớn điều chỉnh chính sách đối ngoại hướng về khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, để không bị đặt vào tình thế

phải “chọn bên”, các nước ASEAN thảo luận và đi đến thống nhất quan điểm chung về khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Tóm lại: Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại hướng về khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của các nước lớn sẽ tiếp tục có những tác động lớn đến NG của Việt Nam.

Tác động tích cực:

Một, chiến lược ngoại giao mới của các nước lớn ở khu vực đều xác định Việt Nam là “trụ cột”, “đối tác quan trọng”, “là cầu nối then chốt”, “cửa ngõ an toàn” để họ tiến vào khu vực. *Hai*, các nước lớn mở rộng phạm vi cạnh tranh chiến lược và gia tăng ảnh hưởng từ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sang khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nhưng đều có lợi ích trong việc suy trì hòa bình, ổn định ở khu vực ASEAN. *Ba*, Biển Đông là một vấn đề nổi bật trong chiến lược ngoại giao của các nước. Các nước lớn lên án gay gắt những hành động nguy hiểm của Trung Quốc, ủng hộ lập trường của Việt Nam nhằm giữ nguyên hiện trạng, không làm phức tạp thêm tình hình, từng bước giải quyết vấn đề Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình. Điều đó tác động thuận chiều đến cuộc đấu tranh của Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Tác động tiêu cực:

Một, cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn làm cho tình hình thế giới và khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương có nhiều biến động phức tạp và rất khó lường. *Hai*, trong quá trình thực thi và bảo vệ chiến lược lợi ích của mình, các nước lớn thường phô diễn và duy trì sự hiện diện sức mạnh quân sự ở khu vực. Thách thức an ninh và chủ quyền quốc gia ngày càng phức tạp, không chỉ tác động trực tiếp hay gián tiếp đến môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển mà còn làm cho quan hệ quốc tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn. *Ba*, việc các nước lớn tranh giành ảnh hưởng, đặc biệt là cuộc cạnh tranh giữa hai siêu cường Mỹ Trung làm cho các nước nhỏ trong khu vực, trong đó có Việt Nam phải đối mặt với nhiều sức ép về đối nội và đối ngoại. *Bốn*, mặc dù các nước ASEAN thống nhất quan điểm về tầm nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nhưng việc các nước lớn coi trọng vai trò, vị trí của ASEAN cũng có tác động tiêu cực đến sự đoàn kết và thống nhất của nội khối.

4.2. ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA THỜI GIAN SẮP TỚI

4.2.1. Vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề Biển Đông thông qua đàm phán hòa bình

Thứ nhất, làm tốt công tác dự báo các khả năng hay tình hình ở Biển Đông để định hướng cho việc vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình. *Thứ hai*, “đĩ bất biến ứng vạn biến” trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông. *Thứ ba*, kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt, mềm dẻo, giành thắng lợi từng bước để đi đến thắng lợi hoàn toàn. *Thứ tư*, đấu tranh thuyết phục bằng luật pháp quốc tế và bằng lẽ phải, vận động sự ủng hộ của dư luận quốc tế.

4.2.2. Vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các nước láng giềng

Thứ nhất, xây dựng mối quan hệ hữu nghị “mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững với Trung Quốc”. *Thứ hai*, củng cố mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với CHDCND Lào và mối quan hệ hòa bình, hữu nghị lâu dài với Vương quốc Campuchia. *Thứ ba*, với các nước láng giềng Đông Nam Á: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, xây dựng nên những nhịp cầu hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước láng giềng Đông Nam Á. Trải qua những biến động của khu vực, từ đối đầu đến đối thoại, trở thành bạn bè, đối tác tốt của nhau trong ngôi nhà chung ASEAN, quan hệ giữa Việt Nam và các nước láng giềng Đông Nam Á đang ngày càng phát triển.

4.2.3. Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước lớn theo phương châm kiên định, kiên trì, kiên quyết

Thứ nhất, vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao “ngũ tri”, “biết mình biết người”, thường xuyên và chủ động dự báo, nắm chắc tình hình khu vực và thế giới có liên quan đến quá trình tập hợp lực lượng của các nước lớn để có những ứng xử linh hoạt, cân bằng trong quan hệ với các cường quốc. *Thứ hai*, cân bằng quan hệ với các nước lớn trên cơ sở lợi ích dân tộc. *Thứ ba*, khéo léo giữ vững độc lập tự chủ, không nhất biên đảo. *Thứ tư*, tôn trọng vai trò của nước lớn nhưng kiên trì, kiên định, kiên quyết đấu tranh trong quan hệ đối tác, đối tượng.

4.2.4. Vận dụng nghệ thuật vận động quốc tế của Hồ Chí Minh trong việc nâng tầm vị thế quốc gia, tranh thủ nguồn lực quốc tế sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển

Thứ nhất, khẳng định vị thế thông qua ASEAN “tổ chức khu vực, lợi ích quốc tế”. *Thứ hai*, UN là tổ chức quốc tế đa phương lớn nhất của 193 nước trên thế giới. UNCS là một tổ chức có vai trò hết sức quan trọng đối với an ninh, hòa bình thế giới nên các thành viên đều cạnh tranh rất quyết liệt đại diện cho khu vực ứng cử và trúng cử.

KẾT LUẬN

Cùng với việc khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã sáng lập và xây dựng nền ngoại giao hiện đại Việt Nam. Trên tinh thần chủ động xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam phù hợp với quy luật vận động của lịch sử, hướng theo chính nghĩa và lẽ phải, tư tưởng và “hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh đã đạt đến trình độ nghệ thuật” [168, tr.786]. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh được vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện của mỗi thời kỳ cách mạng Việt Nam. Đó là việc sử dụng nghệ thuật “xử lý tình huống”, tận dụng thời cơ trong quan hệ quốc tế để thiết lập chủ thể ngoại giao hợp hiến là Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc; nghệ thuật “dĩ bất biến ứng vạn biến”; nghệ thuật “thêm bạn bớt thù”, lợi dụng mâu thuẫn để phân hóa hàng ngũ đối phương; nghệ thuật cân bằng ngoại giao với nước lớn; nghệ thuật biết thắng từng bước, vừa đánh vừa đàm; nghệ thuật xây dựng mối quan hệ đồng chí, anh em với các nước láng giềng; nghệ thuật vận động quốc tế bằng lẽ phải, công lý và chính nghĩa để vừa kết hợp một cách hiệu quả giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữa dân tộc với quốc tế nhằm từng bước tạo lập vị thế, hình ảnh một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, công bằng và tiến bộ trên trường quốc tế. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh cho thấy tầm cao trí tuệ, bản lĩnh ngoại giao dám nghĩ, dám hành động trong tình thế hiểm, nguy kiên quyết xử lý bằng ngoại giao những vấn đề nan giải của cách mạng Việt Nam,

đưa cách mạng vượt qua mọi thử thách cam go để tiến lên giành thắng lợi. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh còn thể hiện tinh thần của một nền ngoại giao nhân văn, khoan dung, hòa bình dựa trên lẽ phải và công lý của quốc tế. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trước hết do chính Người thực hiện một cách sáng tạo, thiên biến vạn hóa với tư cách là người đứng đầu Nhà nước và ngành ngoại giao Việt Nam. Khi thì chớp thời cơ để xử lý tình huống, “khi thì hòa để tiến”, khi thì “quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh”, khi thì vừa đánh vừa đàm, dành thắng lợi từng bước để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đó là thiên tài nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, ngành ngoại giao Việt Nam đã thu được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên ngoại giao thời kỳ 1975-1985 cũng để lại nhiều bài học quan trọng trong việc xử lý mối quan hệ với nước lớn và các nước láng giềng để tạo lập môi trường hòa bình, ổn định, tiếp tục phát huy sự ủng hộ của quốc tế vốn đã rất mạnh mẽ trong chiến tranh cho sự nghiệp tái thiết đất nước. Bước vào thời kỳ đổi mới, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường giúp Việt Nam tháo gỡ những nút thắt trong quan hệ quốc tế. Từ việc đàm phán hòa bình giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hóa và phát triển quan hệ với Trung Quốc, Hoa Kỳ đến việc hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế, Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm, chủ động và tích cực trong các tổ chức khu vực và quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã có mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các nước láng giềng và tất cả các nước trên thế giới, cân bằng quan hệ với các nước lớn. Gần bốn mươi năm vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, Việt Nam đã giữ vững được chủ quyền và an ninh quốc gia, môi trường hòa bình, tạo điều kiện để đất nước tiến hành đổi mới mạnh mẽ đưa đất nước hội nhập toàn cầu sâu rộng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã thiết lập quan hệ với 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, 92 đảng cộng sản ở 115 quốc gia khác nhau. Ngoại giao Nhà nước đã thiết lập quan hệ với 193 thành viên của UN. Trong đó có 12 đối tác toàn diện, 11 nước đối tác chiến lược, 7 đối tác chiến lược toàn diện, 3 quan hệ đặc

biệt (9.2024). Việt Nam tham gia hầu hết vào các thiết chế đa phương lớn của khu vực và quốc tế và hai lần trở thành ủy viên không thường trực của UNCS và nhiều tổ chức khác của UN. Môi trường hòa bình, chính trị ổn định, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội luôn được đảm bảo, nguồn lao động trẻ dồi dào, thông minh, cần cù đã tạo nên thế và lực mới của Việt Nam. Đó là niềm tin vững chắc để Việt Nam thu hút đầu tư quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã đàm phán thành công FTA với 55 quốc gia, thu hút được 21.666 dự án đầu tư với hơn 293 tỷ USD, hơn 100 [197, tr.8] tập đoàn quốc gia hàng đầu thế giới đã có mặt tại Việt Nam mở ra triển vọng mới để phát triển đất nước.

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn sẽ tiếp tục có những đa chiều lên quan hệ quốc tế của Việt Nam. Để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực, Việt Nam vận dụng nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, làm sâu sắc quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, cân bằng mối quan hệ với các cường quốc, vận động quốc tế nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Minh Khoa (2017), “Hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh và sự ra đời tác phẩm Đường cách mệnh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (6).
2. Nguyễn Minh Khoa (2019), “Nghệ thuật chớp thời cơ trên bàn cờ chính trị quốc tế của Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, (2).
3. Nguyễn Minh Khoa (2019), “Nghệ thuật ngoại giao với các cường quốc của Hồ Chí Minh tạo lập vị thế của Việt nam trên bàn cờ chính trị quốc tế”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, (5).
4. Nguyễn Minh Khoa (2019), “Ngoại giao Việt Nam 1975-1985: Thành tựu và bài học chủ yếu về ngoại giao”, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, (8).
5. Nguyễn Minh Khoa (2023), “Chống lại luận điệu xuyên tạc về hành trình Hồ Chí Minh tìm đường cứu nước và thiết kế mô hình xã hội mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (55).